

Số: **5470**/BNV-TCBC
V/v triển khai Kết luận
số 17-KL/TW của Bộ Chính trị
về tinh giản biên chế

Hà Nội, ngày **13** tháng **10** năm 2017

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 39-NQ/TW); Thông báo số 30-TB/TW ngày 23/5/2017 của Bộ Chính trị về kết quả kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X, Kết luận Hội nghị Trung ương 9 khóa X, Kết luận Hội nghị Trung ương 7 khóa XI về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức và thực hiện chiến lược cán bộ đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Thông báo số 30-TB/TW); Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015 - 2016; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017 - 2021 (sau đây gọi tắt là Kết luận số 17-KL/TW) và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 30/VPCP-TCCV ngày 04/01/2017 của Văn phòng Chính phủ về hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ quan thuộc Bộ, ngành, địa phương, Công văn số 2335/VPCP-TCCV ngày 08/8/2017 của Văn phòng Chính phủ về kết quả kiểm tra việc thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Công văn số 9755/VPCP-TCCV ngày 14/9/2017 của Văn phòng Chính phủ về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017, Công văn số 2882/VPCP-TCCV ngày 21/9/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai Kết luận số 17-KL/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế, Bộ Nội vụ đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện các nội dung sau:

I. VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIÊN CHẾ

1. Rà soát, tổng hợp số lượng cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp (sau đây gọi tắt là Nghị định 68/2000/NĐ-CP) có mặt tại thời điểm 30/9/2017 (theo biểu mẫu đính kèm) như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức hành chính (từ cấp huyện trở lên)

- Biên chế công chức do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho từng cơ quan, tổ chức hành chính năm 2017: người;
- Công chức tại thời điểm 30/9/2017: người;
- Hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ tại thời điểm 30/9/2017: ... người;
- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại thời điểm 30/9/2017: người.

b) Các đơn vị sự nghiệp công lập

- Số lượng người làm việc (biên chế viên chức) do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân giao cho từng đơn vị sự nghiệp công lập năm 2017: người;
- Biên chế viên chức tại thời điểm 30/9/2017: người;
- Hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ tại thời điểm 30/9/2017: người;
- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại thời điểm 30/9/2017: người.

2. Rà soát, tổng hợp số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (theo biểu mẫu đính kèm) như sau:

- Tổng số xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) tại thời điểm 30/9/2017
- Tổng số thôn và tổ dân phố tại thời điểm 30/9/2017
- Cán bộ cấp xã tại thời điểm 30/9/2017: người;
- Công chức cấp xã tại thời điểm 30/9/2017: người;
- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tại thời điểm 30/9/2017: người;
- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố tại thời điểm 30/9/2017: người.

3. Rà soát, tổng hợp, báo cáo làm rõ việc sử dụng biên chế không đúng chức năng, nhiệm vụ của đơn vị trên địa bàn địa phương, cụ thể:

- Các tổ chức hành chính đang sử dụng biên chế viên chức của các đơn vị sự nghiệp công lập (ghi rõ tên tổ chức và số lượng biên chế viên chức được giao, số thực tế tại thời điểm 30/9/2017, có danh sách kèm theo).

- Các tổ chức sự nghiệp đang sử dụng biên chế công chức (ghi rõ tên tổ chức và số lượng biên chế được giao, số thực tế tại thời điểm 30/9/2017, có danh sách kèm theo).

4. Các địa phương có tổ chức thành lập mới do chia, tách địa giới hành chính cấp huyện nhưng chưa được giao biên chế mà địa phương đã tự giao biên chế, cụ thể:

a) Tổ chức hành chính (ghi rõ tên tổ chức, số biên chế công chức đã tự giao và số có mặt tại thời điểm 30/9/2017, có danh sách kèm theo).

b) Đơn vị sự nghiệp (ghi rõ tên đơn vị, biên chế sự nghiệp đã tự giao và số có mặt tại thời điểm 30/9/2017, có danh sách kèm theo).

5. Rà soát, xây dựng phương án của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về cắt giảm biên chế viên chức tại các tổ chức chưa sử dụng hết số biên chế được giao cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khối lượng thực tế của từng đơn vị.

6. Phương án của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc chấm dứt hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ trong năm 2018.

II. VỀ THỰC HIỆN TÌNH GIẢM BIÊN CHẾ

1. Về kế hoạch tinh giản biên chế

Đối với những tỉnh chưa xây dựng, phê duyệt kế hoạch tinh giản biên chế đến năm 2021 và từng năm thì khẩn trương xây dựng kế hoạch này, gửi Bộ Nội vụ trước 31/10/2017 để tổng hợp. Đối với những tỉnh đã xây dựng và phê duyệt kế hoạch thì cần bổ sung cho phù hợp.

2. Nội dung của kế hoạch tinh giản biên chế phải xác định rõ những vấn đề sau:

a) Tỷ lệ tinh giản biên chế đến năm 2021, đạt tối thiểu là 10% so với số biên chế được giao của năm 2015 như sau:

- Biên chế công chức giảm tối thiểu 10% so với số biên chế công chức được giao của năm 2015

- Biên chế viên chức giảm tối thiểu 10% so với số biên chế sự nghiệp được giao của năm 2015

- Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP giảm tối thiểu 10% so với số được giao của năm 2015

- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã giảm tối thiểu 10% so với số được giao của năm 2015.

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố giảm tối thiểu 10% so với số được giao của năm 2015.

b) Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ, xã hội hóa, thay thế nguồn trả lương từ ngân sách nhà nước bằng việc trả lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp có nguồn thu sự nghiệp.

III. THỜI GIAN GỬI BÁO CÁO

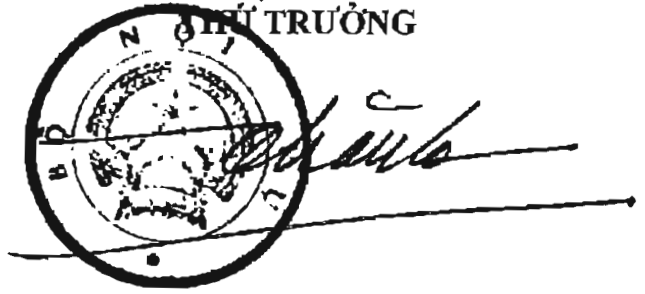
Đề nghị các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo về Bộ Nội vụ trước ngày 05/11/2017 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là nội dung báo cáo về quản lý biên chế, tinh giản biên chế, Bộ Nội vụ đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu, phối hợp với Bộ Nội vụ để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thăng;
- Lưu VT, TCBC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Duy Thăng

Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

BIỂU SỐ 1

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, HỢP ĐỒNG LÀM CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ, HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH TỪ CẤP HUYỆN TRỞ LÊN)

STT	Tên đơn vị	Biên chế công chức địa phương giao năm 2017	Công chức có mặt tại thời điểm 30/9/2017	Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ có mặt tại thời điểm 30/9/2017	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
					Số giao	Số có mặt tại thời điểm 30/9/2017
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng cộng:					
A	Cấp tỉnh					
I	Lãnh đạo tỉnh					
II	Văn phòng HĐND					
1	Lãnh đạo VP					
2	Phòng A					
					
...	Phòng					
III	Văn phòng UBND					
1	Lãnh đạo VP					
2	Phòng 1					
					
....	Phòng....					
IV	Sở A					
1	Lãnh đạo Sở					
2	Văn phòng					
3	Thanh tra					

					
...	Phòng ...					
n	Chi cục					
	- Lãnh đạo Chi cục					
	Phòng 1					
					
	- Phòng n					
V	Thanh tra tỉnh					
1	Lãnh đạo					
2	Văn phòng					
3	Phòng 1					
	...					
...	Phòng n					
VI	Ban Quản lý KCN					
1	Lãnh đạo Ban					
2	Phòng 1					
	...					
...	Phòng n					
VII	Các tổ chức khác có sử dụng biên chế công chức					
	Tổ chức 1					
	- Phòng 1					
	...					
	- Phòng n					
B	Cấp huyện					
I	Huyện a					
1	Lãnh đạo huyện					
2	Văn phòng HĐND và UBND					
3	Phòng 1					

					
...	Phòng n					
II	Huyện n					
1	Lãnh đạo huyện					
2	Văn phòng HĐND và UBND					
3	Phòng 1					
					
...	Phòng n					

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

BIỂU SỐ 2

**TỔNG HỢP SỐ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ, SỐ THÔN, TỔ DÂN PHỐ VÀ SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ
(Số liệu tính đến 30/9/2017)**

1. Tổng số đơn vị hành chính cấp xã: ... đơn vị. Trong đó:
 - Số xã:....
 - Số phường:.....
 - Số thị trấn:.....
2. Tổng số thôn, tổ dân phố:..... đơn vị. Trong đó:
 - Số thôn:..... đơn vị
 - Số tổ dân phố: đơn vị
3. Số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố
 - a) Tổng số cán bộ, công chức cấp xã:... người. Trong đó:
 - Cán bộ cấp xã:.....người;
 - Công chức cấp xã:.....người.
 - b) Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố:...người. Trong đó:
 - Số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:...người;
 - Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:....người./.

Ngày tháng năm

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BIỂU SỐ 3

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC, HỢP ĐỒNG LÀM CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ, HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CỦA ĐỊA PHƯƠNG)

STT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc địa phương giao năm 2017	Kinh phí hoạt động	Viên chức có mặt tại thời điểm 30/9/2017	Hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ có mặt tại thời điểm 30/9/2017	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	
						Số giao	Số có mặt tại thời điểm 30/9/2017
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng cộng:						
I	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo						
1	Đại học						
	- Trường 1						
						
	- Trường n						
2	Cao đẳng chuyên nghiệp						
	- Trường 1						
						
	- Trường n						
3	Trung học chuyên nghiệp						
	- Trường 1						
						
	- Trường n						
4	Trung tâm GDTX						
	- Trung tâm 1						
						
	- Trung tâm n						
5	Cơ sở giáo dục - đào tạo có tên gọi khác						

	- Cơ sở 1						
						
	- Cơ sở n						
6	Giáo dục phổ thông						
a	Trường THPT						
	- Trường 1						
						
	- Trường n						
b	Trường THCS						
	- Trường 1						
						
	- Trường n						
c	Trường Tiểu học						
	- Trường 1						
						
	- Trường n						
7	Giáo dục mầm non						
	- Trường 1						
						
	- Trường n						
II	Dạy nghề						
1	Cao đẳng nghề						
	- Trường 1						
						
	- Trường n						
2	Trung học nghề						
	- Trường 1						
						
	- Trường n						
3	Trung tâm dạy nghề						
	- Trung tâm 1						

						
	- Trung tâm n						
III	Sự nghiệp y tế						
1	Tuyến tỉnh						
a	Bệnh viện						
	- Bệnh viện 1						
						
	- Bệnh viện n						
b	Y tế dự phòng						
	- Trung tâm 1						
						
	- Trung tâm n						
2	Tuyến huyện						
a	Bệnh viện						
	- Bệnh viện 1						
						
	- Bệnh viện n						
b	Y tế dự phòng						
	- Trung tâm 1						
						
	- Trung tâm n						
3	Y tế xã, phường, thị trấn						
	- Trạm 1						
	...						
	- Trạm n						
IV	Sự nghiệp nghiên cứu khoa học						
1	Viện						
	- Viện 1						
						
	- Viện n						
2	Trung tâm						

	- Trung tâm 1						
						
	- Trung tâm n						
V	Sự nghiệp văn hóa, thể thao						
1	Đơn vị 1						
						
n	Đơn vị n						
VI	Sự nghiệp thông tin, truyền thông và báo chí						
1	Đơn vị 1						
						
n	Đơn vị n						
VII	Sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác						
1	Đơn vị 1						
						
n	Đơn vị n						

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)